TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2019
Về việc: " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Minh

2. Ông Phạm Hồng Thanh Nhạn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Quỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Huyến.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Phương D, sinh năm 1979; địa chỉ tổ 38/4 Ô3 Khu phố Hải Hòa, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1978; địa chỉ số tổ 5/37 Ô1 khu phố Hải Phong 2, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2018 và quá trình tố tụng tại phiên tòa bà Trần Thị Phương D trình bày: Bà Trần Thị Phương D và ông Nguyễn Thanh C chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ràng buộc hay áp đặt.

Vợ chồng sống chung tại nhà tổ 5/37 Ô1, khu phố Hải Phong 2, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Ông C thay đổi tính tình nên thường bỏ nhà đi khoảng 01 tuần hoặc 01 tháng thì về nhà một lần, qua tìm hiểu bà D biết được ông

C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và khi ông C về nhà thì kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập bà D. Do bà D đã góp ý nhưng ông C không thay đổi cách sống nên từ tháng 01/2019 bà D đưa 02 con đi sống riêng, vợ chồng sống ly thân đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa, tình cảm đối với nhau tình nhạt, bà D có yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 02 con Nguyễn Anh K, sinh năm 14-4-1999 (đã trưởng thành, con Nguyễn Cao A, sinh ngày 29-10-2002. Bà D yêu cầu được nuôi không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyế

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Thanh C đến Toà giải quyết ly hôn nhưng ông C vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Phương D yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh C nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông C hiện cư trú tại huyện Long Điền nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Theo xác nhận của bà Trần Thị Phương D thì bà và ông Nguyễn Thanh C sống chung với nhau từ năm 1998 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn và cuộc sống chung của hai người hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do ông C thay đổi tính tình và bỏ nhà đi sống chung với người phụ nữ khác và mỗi lần về nhà thì kiếm chuyên gây gỗ và đánh đập bà nên bà D có yêu cầu được ly hôn. Về phía ông C, Tòa án nhiều lần triệu tập lên lấy lời khai và hòa giải nhưng lại vắng mặt cũng không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông C không muốn duy trì cuộc sống chung với bà D vì do bà D và ông C không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của họ vi phạm điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

[2.2] Xét về con chung: có 02 con Nguyễn Anh K, sinh năm 14-4-1999 (đã trưởng thành, nên không giao quyền nuôi dưỡng; con Nguyễn Cao A, sinh ngày 29-10-2002. Bà D yêu cầu được nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của bà D thì thấy: từ sau khi vợ chồng sống ly thân đến nay bà D là người chăm sóc và nuôi con. Tránh làm xáo trộn cuộc sống của con nên giao con cho bà D tiếp tục nuôi là phù hợp với nguyện vọng của con chung. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên, **QUYẾT ĐỊNH;**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 8, 9, 14, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: không công nhận bà Trần Thị Phương D và ông Nguyễn Thanh C là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con Nguyễn Anh K, sinh năm 14-4-1999 (đã trưởng thành) nên không giao quyền nuôi dưỡng; Giao cho bà D được quyền nuôi con chung Nguyễn Cao A, sinh ngày 29-10-2002, bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Ông C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Phương D phải nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009875 ngày 11-01-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà D đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;
- Thi hành án dân sự h.Long Điền ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Trúc